

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST

Ngày: 28-02-2022

Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Vân; Ông Phạm Ngọc Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2021/TLST–DS ngày 25 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K

Trụ sở: Số A, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M, chức vụ: Quyền TGD.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hữu Đ, chức vụ: Giám đốc chi nhánh An Giang (Theo Quyết định ủy quyền thường xuyên số 75/QĐ-NHKL ngày 17/01/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP K).

Ông Lê Hữu Đ ủy quyền lại cho bà Lê Phương U, sinh năm 1982 (Theo giấy ủy quyền số 20/UQ-CNAG ngày 13/4/2021).

Địa chỉ: Số B, đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bà U có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1980. Vắng mặt

Bà Lăng Thị S, sinh năm 1950. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số 277/7, tổ 16, ấp M, xã H, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/4/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/5/2021 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, bà Lê Phương Uyên trình bày:

Vào ngày 19/02/2020, ông Lê Văn T và bà Lăng Thị S ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: A994264/HĐTD/CC ngày 19/02/2020 để vay số tiền 60.000.000đ tại Ngân hàng TMCP K – chi nhánh An Giang, thời hạn vay là 180 ngày, kể từ ngày 19/02/2020 đến ngày 17/08/2020, mục đích sử dụng tiền vay để buôn bán, lãi suất cho vay trong hạn là 16%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Hình thức thanh toán: Gốc và lãi vay trả định kỳ hàng ngày. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông T, bà S đã thế chấp tài sản là 01 xe gắn máy hiệu Honda Vario; Biển số 67F1-327.88 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 10B789 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 18/03/2019 cho ông Lê Văn T.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông T và bà S chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 20.858.812đ, trong đó gốc 19.333.333đ, lãi 1.525.479đ và ngưng cho đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở việc trả nợ theo cam kết trong hợp đồng nhưng ông T, bà S vẫn không thực hiện, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền 50.266.228 đồng, trong đó vốn là 40.666.667 đồng, lãi trong hạn là 3.208.767 đồng, lãi quá hạn là 6.390.795 đồng và yêu cầu tính tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán nợ. Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu duy trì hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: A994264/HĐTD/CC ngày 19/02/2020 để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến bằng văn bản và không gửi chứng cứ chứng minh theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa dân sự sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Lê Phương U có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi tính đến hết ngày 28/02/2022 là 58.876.420đ, trong đó nợ vốn gốc là 40.666.667đ, tiền lãi trong hạn là 3.208.767đ, lãi quá hạn là 15.000.986đ.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn là Ngân hàng, người đại diện theo ủy quyền là Lê Phương U tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án cấp, tổng đạt nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tình tiết, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: A994264/HĐTD/CC ngày 19/02/2020 để vay số tiền 60.000.000đ, thời hạn vay là 180 ngày, kể từ ngày 19/02/2020 đến ngày 17/08/2020. Sau khi được giải ngân, bị đơn trả vốn lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 29/3/2021 là 20.858.812đ, trong đó gốc 19.333.333đ, lãi 1.525.479đ thì ngưng, không trả vốn, lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố, làm ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả vốn, lãi còn nợ, đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi trên nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn tất toán xong nợ và yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Bị đơn không thể hiện ý kiến phản đối bằng văn bản, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không xét đến.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận. Do đó, buộc bị đơn Lê Văn T và Lăng Thị S phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vốn, lãi tính đến hết ngày 28/02/2022 là 58.876.420đ, trong đó nợ vốn gốc là 40.666.667đ, tiền lãi trong hạn là 3.208.767đ, lãi quá hạn là 15.000.986đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Duy trì tài sản thế chấp theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: A994264/HĐTD/CC ngày 19/02/2020 do ông Lê Văn T, bà Lăng Thị S ký kết với Ngân hàng TMCP Kiên Long để đảm bảo cho việc thi hành án.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 400.000đ. Ngân hàng TMCP K đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên ông T, bà S phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp;

Bị đơn Lăng Thị S sinh năm 1950, là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH thuộc trường hợp miễn nộp án phí phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật. Tuy nhiên, bà S từ chối tham gia tố tụng và không có đơn đề nghị miễn nộp án phí nên chưa đủ điều kiện để xem xét. Do đó, bị đơn Lăng Thị S phải có trách nhiệm liên đới với bị đơn Lê Văn T nộp án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 85; Điều 86; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147;

điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt bị đơn Lê Văn T, Lãng Thị S.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K đối với bị đơn Lê Văn T, Lãng Thị S.

Buộc ông Lê Văn T và bà Lãng Thị S phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vốn, lãi tính đến hết ngày 28/02/2022 là 58.876.420đ, trong đó nợ vốn gốc là 40.666.667đ, tiền lãi trong hạn là 3.208.767đ, lãi quá hạn là 15.000.986đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Duy trì tài sản thế chấp theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: A994264/HĐTD/CC ngày 19/02/2020 do ông Lê Văn T, bà Lãng Thị S ký kết với Ngân hàng TMCP K để đảm bảo cho việc thi hành án.

[2] Về chi phí tố tụng:

Bị đơn Lê Văn T và Lãng Thị S phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 400.000đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm

Bị đơn Lê Văn T, Lãng Thị S phải liên đới nộp 2.943.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP K 1.250.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000432 ngày 25/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ngân hàng TMCP K chi nhánh An Giang được đại diện nhận.

[3] Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam